

Số: 01./QLKH

Cần Thơ, ngày 03 tháng 01 năm 2018

V/v Thông báo đăng ký thực hiện
đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
do sinh viên thực hiện năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Thực hiện Kết luận phiên họp mở rộng của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ ngày 17 tháng 12 năm 2015, đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp cơ sở hàng năm được thực hiện theo 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên của Trường với các chủ đề trọng tâm của năm tương ứng.

Phòng Quản lý Khoa học (QLKH) thông báo và đề nghị đơn vị tổ chức đề sinh viên xây dựng thuyết minh đề tài theo ***các trọng tâm nghiên cứu của từng lĩnh vực năm 2018*** được đính kèm theo công văn này.

Các nội dung công việc đơn vị cần thực hiện như sau:

(1) Thông báo cho sinh viên xây dựng thuyết minh đề tài NCKH với thông tin:

- + Thời gian nghiên cứu đề tài: **tối đa 6 tháng (dự kiến từ 5/2018 đến 10/2018);**
- + Kinh phí tùy thuộc nội dung của đề tài, **cao nhất: 15 triệu đồng/đề tài;**
- + Hồ sơ đăng ký gồm thuyết minh đề tài và dự toán kinh phí;

(2) Hội đồng đơn vị xét duyệt các đăng ký và góp ý để sinh viên hoàn chỉnh thuyết minh, dự toán kinh phí trước khi nộp hồ sơ về Phòng QLKH.

(3) Đơn vị tổng hợp các đề tài đăng ký của sinh viên thành danh mục theo mẫu và nộp về Phòng QLKH các hồ sơ gồm:

- + 01 bản in thuyết minh và dự toán kinh phí đề tài (có xác nhận của đơn vị);
- + 01 file thuyết minh và dự toán kinh phí đề tài;
- + 01 bản in Danh mục tổng hợp (có xác nhận của đơn vị);
- + 01 file Danh mục tổng hợp.

Sinh viên gửi hồ sơ đến Trợ lý NCKH của đơn vị để tổng hợp chung và nộp về Phòng QLKH, Phòng không nhận hồ sơ đăng ký riêng lẻ của cá nhân.

Thời gian Phòng QLKH nhận hồ sơ: **đến 11h, ngày 28.02.2018.**

Thông tin liên hệ và nhận hồ sơ: Chuyên viên Nguyễn Văn Tấn, Phụ trách hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, số điện thoại: 0919.234.067, email: nguyentan@ctu.edu.vn.

Trân trọng kính chào.

Đính kèm:

- Các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu năm 2018;
- Mẫu Thuyết minh;
- Mẫu Dự toán;
- Mẫu Danh mục tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: QLKH.

TRƯỞNG PHÒNG 



Lê Văn Khoa

**CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM CẦN NGHIÊN CỨU
ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ NĂM 2018
THEO 5 LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ƯU TIÊU CỦA TRƯỜNG**
(Kèm theo công văn số 01/QLKH, ngày 03 tháng 01 năm 2018)

**LĨNH VỰC 1:
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG
NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Bao gồm các trọng tâm nghiên cứu như sau:

1) Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật gen

- + Sử dụng các kỹ thuật gen để quản lý và khai thác nguồn gen của giống cây trồng và vật nuôi quý; quản lý và bảo tồn gen và nguồn lợi thủy sản.
- + Chọn lọc đặc tính (biểu hiện) gen về khả năng chịu đựng môi trường (ví dụ: chịu mặn, nhiệt độ cao,...), chất lượng cây trồng (ví dụ: mùi, màu,...) v.v... để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng chống chịu môi trường.

2) Công nghệ vi sinh

Sử dụng các vi sinh vật (vi khuẩn,...) đã chọn lọc có đặc tính có lợi để ứng dụng trong trồng lên men công nghiệp, làm phân vi sinh, chế phẩm vi sinh trong xử lý vi chất và độc chất trong đất, nước,... *Ưu tiên các nghiên cứu hoàn thiện để tạo sản phẩm thương mại.*

3) Quản lý dịch bệnh cây trồng và vật nuôi

Ứng dụng kỹ thuật sinh học để phát hiện, chẩn đoán, phát triển các qui trình và kit chẩn đoán nhanh và chính xác các vi khuẩn, vi-rút,... gây bệnh trên gia cầm, thủy cầm và động vật thủy sản. *Ưu tiên nghiên cứu hoàn thiện để tạo các kit chẩn đoán bệnh.*

4) Công nghệ giống

- + Sử dụng kỹ thuật sinh học mới nghiên cứu chọn giống và gia hóa cây trồng, vật nuôi trên cạn, động vật thủy sản,... để tạo giống/loài mới cho sản xuất.
- + Ứng dụng kỹ thuật sinh học để cải thiện năng suất, chất lượng, kháng bệnh, chống chịu và thích nghi tốt với điều kiện khí hậu (nhiệt độ cao, độ mặn,...) đối với giống loài đã có.

5) Kỹ thuật canh tác

Ứng dụng kỹ thuật mới để xây dựng các mô hình sản xuất có năng suất chất lượng cao, điều khiển ra hoa/trái và chất lượng trái cây trồng, giảm phân bón, hoá chất, giảm tác động môi trường, giảm chi phí sản xuất,...

6) Công nghệ nuôi mới

Phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả, bền vững, tạo sản phẩm sạch và hạn chế tác động môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

7) Công nghệ ly trích

Nghiên cứu kỹ thuật/công nghệ chiết suất hoạt chất sinh học từ cây trồng và vật nuôi (ví dụ: động vật thủy sản, thảo dược,...) làm thực phẩm chức năng (collagen, DHA,...), bảo quản chế biến sản phẩm, phòng trị bệnh vật nuôi, nâng cao sức khỏe (đề kháng bệnh, môi trường,...).

8) Công nghệ chế biến và an toàn thực phẩm

Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ chế biến sản phẩm cây trồng và vật nuôi chất lượng cao, đa dạng hoá sản phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng,... và vệ sinh an toàn thực phẩm. *Ưu tiên các nghiên cứu hoàn thiện và nghiên cứu tạo sản phẩm thương mại hoá.*

9) Sinh học cây trồng vật nuôi

Ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ mới trong nghiên cứu cơ bản (sinh lý học, sinh hoá, dinh dưỡng,...) cây trồng, vật nuôi để làm cơ sở cho phát triển kỹ thuật canh tác đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Lĩnh vực có xem xét ưu tiên cho các đề tài nghiên cứu có sản phẩm công bố khoa học trên tạp chí chất lượng (Tạp chí quốc tế), các đề tài hoàn thiện hoặc tạo được sản phẩm có khả năng thương mại hoá, các đề tài có ứng dụng cải thiện năng suất/chất lượng sản phẩm, giảm tác động môi trường, sản phẩm sạch và giảm chi phí sản xuất,...

LĨNH VỰC 2: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Bao gồm các trọng tâm nghiên cứu như sau:

A. Cấp vĩ mô/hay cấp vùng

1. Quy hoạch và quản lý đất đai tổng hợp

+ Ứng dụng các công cụ mô hình toán học trong việc xây dựng các phương án sử dụng đất đai hợp lý (công cụ GIS, ảnh viễn thám,...).

+ Đánh giá đất đai kết hợp với đánh giá thích nghi đất đai cho vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. An ninh nguồn nước: liên quan đến biến đổi khí hậu, giá trị nước và chia sẻ nguồn nước các cấp độ khác nhau

+ Thách thức về tác động biến đổi khí hậu và đập thượng nguồn tác động bất lợi quản lý tài nguyên nước cho phát triển của cả vùng.

+ Gia tăng xói lở bờ sông và bờ biển.

+ Suy giảm trữ lượng nước và chất lượng nước, xâm nhập mặn, tăng sự thoái hóa đất và hệ sinh thái.

+ Mô hình số cho quản lý nguồn nước và sử dụng nước tưới cho nông nghiệp.

+ Mô hình cung cấp và trữ nước cho đô thị vùng ven biển.

3. Sự suy thoái đất ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)
 - + Đánh giá sự suy thoái đất trồng lúa thâm canh ở ĐBSCL.
 - + Các mô hình canh tác bảo vệ độ phì của đất ở ĐBSCL.
 - + Nghiên cứu sự lún sụt đất ở ĐBSCL.
4. Quản lý ô nhiễm nguồn nước ở ĐBSCL: Thách thức và giải pháp.
5. Hệ thống sinh thái đất ngập nước cho ĐBSCL dưới tác động của con người và thiên nhiên.
6. Nghiên cứu giải pháp cho khai thác cát sông ở các địa phương khác nhau của ĐBSCL.
7. Đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển ở ĐBSCL.

B. Cấp vi mô/cấp địa phương cụ thể:

1. Nghiên cứu các mô hình phát triển sạch giảm thiểu vấn đề môi trường và giảm nhẹ thiên tai do biến đổi khí hậu (BĐKH).
2. Nghiên cứu các kỹ thuật xử lý nước thải thích hợp cho các nhà máy và khu công nghiệp ở ĐBSCL.
3. Xây dựng các mô hình và kỹ thuật tiết kiệm nước (cho cả đô thị và nông thôn).
4. Thiết kế mô hình xử lý nước đô thị phân tán.
5. Thiết kế mô hình hệ thống xử lý nước thải công nghiệp thông qua việc xử lý bởi các loài sinh vật.
6. Đánh giá tính hiệu quả và phát triển các khu bảo tồn: đa dạng sinh học,... ở ĐBSCL theo hướng bảo tồn và phát triển.

C. Biến đổi khí hậu:

1. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở ĐBSCL
 - + Nâng tỷ lệ của BĐKH cấp vùng liên quốc gia xuống cấp đồng bằng của quốc gia;
 - + Mô hình hóa chất lượng nước và thủy văn để đưa đến việc phân tích sự thay đổi thủy văn (BĐKH và nước biển dâng, với các kịch bản phát triển vùng thượng nguồn và đồng bằng).
2. Đánh giá tác động và tính tổn thương do BĐKH – Thực trạng và giải pháp
 - + Tác động KT-XH vùng ven biển và vùng ngập lũ thượng nguồn của Việt Nam.
 - + Tác động môi trường sinh thái và sản xuất nông nghiệp – thủy sản dưới tác động của BĐKH ở ĐBSCL.
3. Nghiên cứu các mô hình thích ứng do BĐKH ở ĐBSCL
 - + An ninh lương thực kết hợp với an ninh nguồn nước.
 - + Nông nghiệp bền vững và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
 - + Mô hình bền vững cho sinh kế của người dân ở ĐBSCL.
4. Phương pháp giảm thiểu
 - + Nghiên cứu các mô hình canh tác giảm thiểu khí nhà kính từ nông nghiệp.
 - + Nghiên cứu mô hình giảm khí thải từ các nhà máy sản xuất công nghiệp.

LĨNH VỰC 3:
CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TRUYỀN THÔNG

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2018: **“IoT cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao”**.

Ngoài ra, Lĩnh vực cũng kêu gọi các đề xuất cấp thiết khác do nhu cầu xã hội đặt ra và ưu tiên cho các đề xuất liên ngành.

LĨNH VỰC 4:
KHOA HỌC GIÁO DỤC, LUẬT VÀ XÃ HỘI NHÂN VĂN

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2018: **“Khoa học xã hội và nhân văn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Cần Thơ và phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong quá trình hội nhập”**.

Một số vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu:

1. Thực trạng, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của Trường Đại học Cần Thơ.
2. Những vấn đề văn hóa – xã hội ĐBSCL: dân cư – dân tộc, tôn giáo – tín ngưỡng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển du lịch, v.v...
3. Vai trò của Khoa học xã hội và nhân văn đối với sự phát triển của ĐBSCL.
4. Vai trò, đặc điểm của nền văn hóa sông nước và vấn đề bảo tồn, khai thác những giá trị của nền văn hóa sông nước trong sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

LĨNH VỰC 5:
PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỊ TRƯỜNG

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2018: **Phát triển bền vững ĐBSCL**.

Một số vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu:

1. Phân tích chính sách kinh tế.
2. Sinh kế và biến đổi khí hậu.
3. Sản xuất, thị trường gắn với tái cơ cấu kinh tế và liên kết.
4. Phát triển và đổi mới doanh nghiệp.
5. Phát triển kinh tế bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
6. Hội nhập kinh tế.
7. Xây dựng và phát triển thương hiệu địa phương, doanh nghiệp.
8. Phát triển hệ thống tài chính, tín dụng.
9. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐBSCL.
10. Phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở ĐBSCL.

- Hết -

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ
(do sinh viên thực hiện)**

1. TÊN ĐỀ TÀI	2. MÃ SỐ Phòng QLKH cung cấp								
Lĩnh vực ưu tiên <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 1. Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, thủy sản và môi trường <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 2. Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 3. Công nghệ và công nghệ thông tin – truyền thông <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 4. Khoa học Giáo dục, Luật và Xã hội Nhân văn <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 5. Phát triển kinh tế, Thị trường									
3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU Khoa học <input type="checkbox"/> Tự nhiên Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/> Khoa học <input type="checkbox"/> Y, dược Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/> Khoa học <input type="checkbox"/> Xã hội Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/>	4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 33%;">Cơ bản</td> <td style="width: 33%;">Ứng dụng</td> <td style="width: 33%;">Triển khai</td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Cơ bản	Ứng dụng	Triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
Cơ bản	Ứng dụng	Triển khai							
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
5. THỜI GIAN THỰC HIỆN tháng Từ tháng ... năm 20... đến tháng ... năm 20...									
6. ĐƠN VỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI Tên đơn vị: Điện thoại: E-mail: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng đơn vị:									
7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Họ và tên:</td> <td style="width: 50%;">MSSV:</td> </tr> <tr> <td>Ngày tháng năm sinh:</td> <td>Lớp:</td> </tr> <tr> <td>Điện thoại di động:</td> <td>Khóa:</td> </tr> <tr> <td>E-mail:</td> <td></td> </tr> </table>		Họ và tên:	MSSV:	Ngày tháng năm sinh:	Lớp:	Điện thoại di động:	Khóa:	E-mail:	
Họ và tên:	MSSV:								
Ngày tháng năm sinh:	Lớp:								
Điện thoại di động:	Khóa:								
E-mail:									
8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI (cần ghi rõ nhiệm vụ của từng người, kể cả chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ phải phù hợp với nội dung ở Mục 15.2 ; chủ nhiệm phải là người thực hiện những nội dung quan trọng)									
TT	Họ và tên	MSSV, Lớp, Khóa	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký					

1				
2				
Cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài				
Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn		Nhiệm vụ	Chữ ký
	Ghi rõ: (1) Đơn vị công tác và (2) Lĩnh vực chuyên môn		Hướng dẫn nội dung khoa học và Hướng dẫn lập dự toán kinh phí đề tài	
9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH (cần ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ của đơn vị phối hợp; nội dung phối hợp phải phù hợp với nội dung ở Mục 15.1; ghi rõ tên, chức vụ của người đại diện; Tốt nhất là có văn bản đồng ý của đơn vị phối hợp do người đại diện ký gửi kèm theo Thuyết minh)				
Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu		Họ và tên người đại diện đơn vị	
10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC				
10.1. Trong nước <i>(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)</i>				
10.2. Ngoài nước <i>(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)</i>				
10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu <i>(họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản)</i>				
a) Của chủ nhiệm đề tài (nếu không có thì thi không)				
b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu (nếu không có thì thi không, không ghi công bố của cán bộ hướng dẫn vào mục này)				
<i>(Những công trình được công bố trong 5 năm gần nhất)</i>				
11. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI (Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu (hạn chế của các công trình đã có, vấn đề các công trình chưa đề cập đến của phần Tổng quan), nêu sự cần thiết tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)				
12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI (cần ghi một cách cụ thể, rõ ràng, có thể định lượng hoặc định tính được; có tính khả thi; không viết mục tiêu quá rộng hoặc quá nhiều mục tiêu trong một đề tài)				
13. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU				

13.1. Đối tượng nghiên cứu (Nếu không xác định đúng đối tượng nghiên cứu thì không thể thực hiện được đề tài)

13.2. Phạm vi nghiên cứu (Nêu rõ giới hạn nội dung, thời gian, không gian, lý giải sự chọn mẫu)

14. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

14.1. Cách tiếp cận (Nêu rõ cách tiếp cận nghiên cứu đề tài. VD: (1) nghiên cứu lý thuyết-thử nghiệm-ứng dụng; (2) Giải mã công nghệ (sản phẩm tiêu chuẩn) - thiết kế quy trình công nghệ - chế tạo; (3) Lý thuyết-thực trạng => giải pháp; (4) Thực trạng-lý thuyết => giải pháp)

14.2. Phương pháp nghiên cứu (Nêu rõ phương pháp nghiên cứu (Điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, chuyên gia,...) kỹ thuật sử dụng các phương pháp)

15. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

15.1. Nội dung nghiên cứu (*Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài*) Xác định những nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra

Đây là nội dung quan trọng nhất của thuyết minh, cần ghi chi tiết, rõ ràng để Hội đồng tuyển chọn đánh giá và là cơ sở để thẩm định kinh phí đề tài.

Lưu ý: không ghi mục lục của báo cáo tổng kết vào mục này.

15.2. Tiến độ thực hiện

STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện và số ngày thực hiện
1. 2. 3.	Ghi rõ các nội dung NC cần thực hiện, nêu những hoạt động (công việc) cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài, là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí cho đề tài, là căn cứ để kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; đánh giá mức độ hoàn thành của đề tài khi nghiệm thu. Phù hợp với mục 15.1	Phù hợp với cột (2)	Phù hợp với Mục 5.	Phù hợp với Mục 8.

16. SẢN PHẨM

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm (mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)
I	Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học...) nếu không có thì ghi không và xóa các dòng thuộc 1 la mã		

1.1			
1.2			
...			
II	Sản phẩm đào tạo (Đại học) nếu không có thì ghi không và xóa các dòng thuộc 2 la mã		
2.1			
2.2			
...			
III	Sản phẩm ứng dụng nếu không có thì ghi không và xóa các dòng thuộc 3 la mã		
3.1			
3.2			
...			

17. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG

17.1. Phương thức chuyển giao

17.2. Địa chỉ ứng dụng

18. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

18.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

18.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan

18.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội

18.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**Kinh phí thực hiện đề tài:** đồng.

Trong đó:

Ngân sách Nhà nước: đồng.

Các nguồn khác: 0 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản chi, nội dung chi	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	
			Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác
1	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu			0
2	Chi tiền công lao động trực tiếp			0
3	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn			0
4	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu			0
5	Chi quản lý chung (5%)			0
	Tổng cộng			0

*Ngày tháng năm 2018***GHI TÊN KHOA/VIỆN****CÁN BỘ HƯỚNG DẪN****CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ
(do Sinh viên thực hiện)

Thời gian: từ tháng/2018 đến tháng/2018

1. Mã số đề tài:

2. Tên đề tài:

3. Chủ nhiệm đề tài:

MSSV:

Lớp:

Khoa/Viện:

, Trường Đại học Cần Thơ

Số điện thoại:

Email:

4. Tổng kinh phí được duyệt: đồng.

5. Kinh phí cấp năm 2018: đồng.

Đơn vị tính: đồng

TT	LIỆT KÊ CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I.	Nội dung chi không giao khoán				
1.	Chi về vật tư, hóa chất, nguyên vật liệu (không có định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành) cho thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ yêu cầu nghiên cứu khoa học...				
	- Vật tư				
	- Trang thiết bị				
	- Hóa chất thí nghiệm				
Tổng mục I					
II	Các nội dung chi được giao khoán				
1.	Chi tiền công trực tiếp				
	Ghi rõ các nội dung, câu từ đúng với mục 15.2 của thuyết minh đề tài	ngày			
2.	Văn phòng phẩm, in ấn, thông tin, liên lạc				
	Ghi đầy đủ thông tin đơn vị tính, số lượng, đơn giá				
3.	Chi phí nghiệm thu				

TT	LIỆT KÊ CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Chi Hội đồng nghiệm thu				
	<i>a. Chi họp Hội đồng nghiệm thu</i>				
	- Chủ tịch hội đồng	người	01	450.000	450.000
	- Phản biện	người	02	300.000	600.000
	- Thư ký khoa học	người	01	300.000	300.000
	- Ủy viên	người	01	300.000	300.000
	- Thư ký hành chính	người	01	100.000	100.000
	<i>b. Chi nhận xét đánh giá</i>				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	03	175.000	525.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	02	225.000	450.000
4.	Quản lý chung (5% tổng kinh phí đề tài)	đề tài	01	???	???
Tổng mục II					
TỔNG CỘNG (I + II)					

Cần Thơ, ngày tháng năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
GHI TÊN KHOA/VIỆN

DANH MỤC ĐỀ TÀI SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NĂM 2018

STT	Tên đề tài	Lĩnh vực ưu tiên (ghi đúng với thuyết minh)	SV chủ nhiệm (MSSV, Lớp)	CBHD (học hàm, học vị, đơn vị)	Mục tiêu	Nội dung chính (ghi theo mục 15.2 của thuyết minh)	Sản phẩm (ghi theo mục 16 của thuyết minh)	Thời gian thực hiện (ghi số tháng thực hiện)	Kinh phí (làm tròn ở mức triệu đồng)
1.									
2.									
3.									
4.									
5.									
6.									
7.									
8.									
9.									
10.									

Cần Thơ, ngày tháng năm 2018
Thủ trưởng đơn vị